TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/KDTM-PT
Ngày: 13 - 9 - 2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Bà Ngô Thị Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phó Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2025/QĐPT-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐ-PT ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Á (A1).**

Địa chỉ: Số D N, phường E, Quận C, TP . (nay là phường B, TP .).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Á.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Từ Tiến P: Ông Nguyễn Đình L - Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ - Ngân hàng TMCP Á. (Văn bản ủy quyền số 1214/UQ-QLN.24 ngày 06/8/2024).

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Đỗ Hữu H, sinh năm 1998 – Nhân viên Ngân hàng TMCP Á, chi nhánh K. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Huyền Uyển N, sinh năm 2001 – Nhân viên Ngân hàng TMCP Á, chi nhánh K. Văn bản ủy quyền số 1367/UQ-QLN.25 ngày 08/9/2025. (Có mặt).

Bị đơn: 1. Bà **Huỳnh Thị Quốc D**, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

2. Ông **Phạm Kim N1**, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A Tỉnh lộ 2, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã D, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Bà Vũ Thị A, sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: A H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa).

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á (do ông Đỗ Hữu H đại diện) trình bày:

Ngân hàng TMCP Á (sau đây gọi tắt là A1) có cấp tín dụng cho vợ MÀ chồng bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 theo các khoản sau:

Khoản 1: Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2994.020323 ngày 06/3/2023. Chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng cho vay: 1.500.000.000 đồng.

- Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh - Mua địa điểm sản xuất kinh doanh.

- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

Thời hạn cho vay: 180 tháng (15 năm), từ ngày 08/3/2023 đến ngày 07/3/2038.

- Lãi suất trong hạn: 10%/năm, lãi suất cho vay ngày: 17%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất cho vay (%/năm) = lãi suất cơ sở + 3,9%/năm. Lãi suất cơ sở áp dụng từ ngày 02/10/2023 đến nay là 8,7%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Tiền lãi và vốn vay được thanh toán vào ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 07/4/2023.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, A1 đã giải ngân cho bà D, ông N1 theo Khế ước nhận nợ số 390652139 ngày 07/3/2023.

Khoản 2: Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023. Chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng cho vay: 1.650.000.000 đồng.

- Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh - Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày 07/9/2023 đến ngày 06/3/2024.

- Lãi suất vay: 9%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh theo quy định của A1 trong từng thời kỳ.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngày trả nợ lãi: ngày 07 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên: ngày 07/10/2023. Gốc trả cuối kỳ vào ngày 06/3/2024.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, A1 đã giải ngân cho bà D, ông N1 theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm chứng từ nhận nợ số 409183059 ngày 06/9/2023.

Khoản 3: Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023. Chi tiết như sau:

- Chủ thẻ chính: Bà Huỳnh Thị Quốc D
- Số thẻ tín dụng: 3567 95******3921
- Ngày cấp: 08/3/2023
- Loại thẻ : J
- Hạn mức thẻ : 30.000.000 đồng
- Hiệu lực thẻ: ngày 08/3/2026
- Lãi suất trong hạn: 28%/năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Khoản 4: Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/8/2023. Chi tiết như sau:

- Chủ thẻ chính: Bà Huỳnh Thị Quốc D
- Số thẻ tín dụng: 4365 99******1221
- Ngày cấp: 25/8/2023
- Loại thẻ: V
- Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng
- Hiệu lực thẻ: Ngày 25/8/2026
- Lãi suất trong hạn: 30%/năm
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản là thửa đất số 1163, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DC 126325, số vào số cấp GCN: CS01906 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 02/6/2021; cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 22/02/2023. Hợp đồng thế chấp tài sản số KHA.BDCN.271.020323 được công chứng tại Phòng công chứng

số 1 tỉnh K ngày 06/3/2023; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D ngày 07/3/2023.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà D và ông N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể:

- Đối với khoản vay 1.500.000.000 đồng, bà D, ông N1 chỉ thanh toán 128.291.623 đồng, trong đó tiền gốc 15.615.000 đồng, tiền lãi từ ngày 10/4/2023 đến ngày 15/12/2024 là 112.676.623 đồng. Từ tháng 01/2024 đến nay, bà D, ông N1 ngừng thanh toán.

- Đối với khoản vay 1.650.000.000 đồng, bà D, ông N1 mới chỉ thanh toán tiền lãi từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/12/2024 là 37.430.138 đồng. Từ tháng 01/2024 đến nay, bà D, ông N1 ngừng thanh toán lãi, gốc.

- Đối với khoản nợ thẻ 3567 95** ****3921, hạn mức 30.000.000 đồng, bà D đã thực hiện giao dịch với số tiền 27.000.000 đồng vào ngày 05/5/2023, tuy nhiên, tính đến ngày 19/12/2023, bà D mới thanh toán được 2.026.080 đồng.

- Đối với khoản nợ thẻ 4365 99** **** 1221, hạn mức 100.000.000 đồng, bà D đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 95.000.000 đồng vào ngày 30/8/2023 và ngày 05/9/2023, tuy nhiên, bà D chưa thanh toán khoản nào.

Do đó, ngày 06/3/2024, A1 đã chuyển toàn bộ dư nợ của khoản vay 1.650.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Ngày 03/4/2024, A1 ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ dư nợ của khoản vay 1.500.000.000 đồng và Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng đối với các thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 20/5/2025, bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 còn nợ A1 các khoản sau:

TT	KUNN/Giấy đề nghị/Thẻ tín dụng	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt lãi chậm trả	Tổng cộng
1	390652139	1.484.385.000	58.939.987	304.440.105	17.527.182	1.865.292.274
2	409183059	1.650.000.000	36.616.438	268.520.548	14.787.468	1.969.924.454
3	356795******3921	30.891.828	0	14.711.408	0	45.603.236
4	436599******1221	109.722.453	0	53.173.975	0	162.896.428

Tổng cộng	**3.274.999.281**	**95.556.425**	**640.846.036**	**32.314.650**	**4.043.716.392**

Do đó, A1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 trả cho A1 tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/5/2025 là 4.043.716.392 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 3.274.999.281 đồng, nợ lãi trong hạn 95.556.425 đồng, nợ lãi quá hạn 640.846.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 32.314.650 đồng. Bà D và ông N1 phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân kể từ ngày 21/5/2025 đến ngày trả hết nợ.

2. Nếu bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 1163, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa để A1 thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của Ngân hàng A1 xác định:

Đối với thẻ 3567 95** ****3921, hạn mức 30.000.000 đồng (gọi tắt là thẻ 30.000.000 đồng) đã được nhân viên ngân hàng A1 giao cho bà N1 và có biên bản giao nhận thẻ, tài liệu này ngân hàng đã nộp cho Tòa án.

Đối với khoản nợ thẻ 4365 99** **** 1221, hạn mức 100.000.000 đồng (gọi tắt là thẻ 100.000.000 đồng) đại diện hợp pháp của ngân hàng A1 xác định đã giao thẻ 100.000.000 đồng cho bà D nhưng không có biên bản giao nhận giữa ngân hàng và bà D về việc giao thẻ này, tuy nhiên Ngân hàng vẫn xác định đã giao thẻ 100.000.000 đồng cho bà D bởi thẻ 100.000.000 đồng phải được bà D kích hoạt trên số điện thoại do bà D cung cấp cho Ngân hàng và mã OTP của ngân hàng cũng chỉ gửi về cho số điện thoại của bà D đã đăng ký với ngân hàng thì mới thực hiện được giao dịch, việc thẻ 100.000.000 đồng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 95.000.000 đồng vào ngày 30/8/2023 và ngày 05/9/2023 chứng minh rằng thẻ 100.000.000 đồng này đã được kích hoạt theo đúng quy trình của ngân hàng đối với khách hàng trong đó có bà D.

Đối với cột liệt kê ghi Phạt lãi chậm trả được đại diện ngân hàng khẳng định đây là lãi phạt chậm trả dựa trên số tiền lãi trong hạn mà khách hàng chưa trả chứ không phải phạt lãi chậm trả của lãi quá hạn.

Tại các bản tự khai ngày 07/01/2025 và ngày 14/02/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 trình bày:

Bà D, ông N1 thừa nhận nội dung các hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Bà D, ông N1 thừa nhận và đồng ý trả các khoản tiền còn nợ cho A1 theo Thông báo thụ lý vụ án số 08/2024/TLST-KDTM ngày 09/12/2024, tuy nhiên, xin gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 12/2025 do bị đơn đang gặp khó khăn. Bà D, ông N1 đồng ý để cho A1 xử lý tài sản thế chấp theo quy định trong trường hợp ông, bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà D, ông N1 là bà Vũ Thị A trình bày:

(1) Đối với các khoản vay 1.500.000.000 đồng và khoản 1.650.000.000 đồng: Bị đơn thừa nhận có vay và đồng ý trả cho A1 các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo yêu cầu của A1; Đối với khoản phạt lãi chậm trả bị đơn không đồng ý thanh toán do pháp luật hiện hành không cho phép tính lãi chồng lãi;

(2) Đối với khoản nợ tại hợp đồng thẻ 30.000.000 đồng: Bị đơn thừa nhận và đồng ý trả nợ gốc theo yêu cầu của A1; đối với nợ lãi quá hạn, bị đơn không đồng ý trả vì tại hợp đồng mở thẻ không thoả thuận về lãi suất;

(3) Đối với khoản nợ tại hợp đồng thẻ 100.000.000 đồng: Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng mở thẻ nhưng không nhận và sử dụng thẻ, việc thẻ được kích hoạt và phát sinh giao dịch là do cán bộ tín dụng của A1 tự thực hiện. Tại bản kê giao dịch tài khoản số 6053127 của bà D không thể hiện số tài khoản này có nhận hay giao dịch với số tiền 95.000.000 đồng từ thẻ 100.000.000 đồng như đại diện A1 trình bày, do đó, bị đơn không chịu trách nhiệm trả các khoản nợ tại thẻ 100.000.000 đồng theo yêu cầu của A1;

(4) Đối với phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp: Bà Anh xác định tài sản thế chấp là thửa đất số 1163, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa chỉ bảo đảm cho các khoản vay 1.500.000.000 đồng, 1.650.000.000 đồng và hợp đồng thẻ hạn mức 30.000.000 đồng; đối với hợp đồng thẻ hạn mức 100.000.000 đồng, tài sản trên không bảo đảm vì tại hợp đồng mở thẻ đã xác định không có tài sản bảo đảm, do đó, bị đơn chỉ đồng ý cho A1 được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các khoản vay 1.500.000.000 đồng, 1.650.000.000 đồng và hợp đồng thẻ hạn mức 30.000.000 đồng, đối với hợp đồng thẻ hạn mức 100.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý vì khoản nợ này không thuộc phạm vi bảm đảm của tài sản thế chấp.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Khánh Hòa đã tuyên:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 319, 321, 322, 323, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2; Điều 5, Điều 13 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N2; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản ý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2025 là 4.043.716.392 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 3.274.999.281 đồng, nợ lãi trong hạn 95.556.425

đồng, nợ lãi quá hạn 640.846.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 32.314.650 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN. 2994.020323 ngày 06/3/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/8/2023.

1.2. Kể từ ngày 21/5/2025, bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.CN.2994.020323 ngày 06/3/2023, Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023 thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1163 tờ bản đồ số 5 tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 để thu hồi nợ.

1.4. Sau khi nhận đủ số tiền nợ tại Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.CN.2994.020323 ngày 06/3/2023, Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023, Ngân hàng TMCP Á có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim Nhân bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS01906 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 02/6/2021 đứng tên bà Trần Thị Hạnh D1, chỉnh lý sang

tên ông Phạm Kim N1, bà Huỳnh Thị Quốc D ngày 22/02/2023 đối với thửa đất số 1163 tờ bản đồ số 5, tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á về việc xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 1163 tờ bản đồ số 5 tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa để thu hồi khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/8/2023 trong trường hợp bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay này.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/6/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 có đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Khánh Hòa các nội dung sau: Bị đơn không thừa nhận khoản nợ tại hợp đồng thẻ tín dụng 100.000.000 đồng và không đồng ý về khoản lãi phạt chậm trả do pháp luật hiện hành không cho phép tính lãi chồng lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo về phần phạt lãi chậm trả. Đối với phần kháng cáo về khoản nợ tại thẻ tín dụng 100.000.000 đồng thì bị đơn giữ nguyên nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp"* là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bị đơn rút một phần kháng cáo về yêu cầu xem xét phạt lãi chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn khẳng định đối với mục phạt lãi chậm trả được xác định là khoản phạt lãi chậm trả đối với khoản khoản lãi trong hạn mà bị đơn chưa trả, bị đơn đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn về nội dung phạt lãi chậm trả và rút kháng cáo đối với nội dung kháng cáo phạt lãi chậm trả. Xét thấy người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tự nguyện xin rút một phần kháng cáo về khoản lãi phạt chậm trả là tự nguyện, căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về khoản lãi phạt chậm trả.

[4] Xét kháng cáo của các bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 về khoản nợ tại hợp đồng thẻ tín dụng 100.000.000 đồng:

[4.1] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo và tranh luận cho rằng bị đơn có ký kết với Ngân hàng hợp đồng mở thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa nhận được thẻ nên không thể nào thực hiện việc kích hoạt thẻ để rút tiền, do đó bị đơn không chịu trách nhiệm đối với khoản nợ tại thẻ tín dụng 100.000.000 đồng này. Xét thấy: Mặc dù nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ đã giao thẻ 100.000.000 đồng cho bà D nhưng tại các Bản tự khai của bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 (BL

143, 144) đều thừa nhận có 04 khoản vay tại Ngân hàng A1, trong đó có thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng; Bà D đã trực tiếp ký nhận vào Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng số 159/CV-TD-KHA24 ngày 03/4/2024 (BL 235) nhưng không có khiếu nại hoặc trình báo đến cơ quan chức năng nếu cho rằng bà D không nhận và không sử dụng thẻ 100.000.000 đồng. Do đó nội dung kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, chấp nhận toàn bộ quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Kim Quốc D2 và ông Phạm Kim N1 mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001689 ngày 17/6/2025 và Biên lai thu số 0001693 ngày 18/6/2025. Bà D2, ông N1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm. (Bà D2, ông N1 đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 về khoản nợ tại hợp đồng mở thẻ tín dụng 100.000.000đ ngày 25/8/2023.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Khánh Hòa.

Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Quốc D và ông Phạm Kim N1 về nội dung kháng cáo phạt lãi chậm trả.

Căn cứ: Các điều 319, 321, 322, 323, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2; Điều 5, Điều 13 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N2; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản ý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á.

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2025 là 4.043.716.392 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 3.274.999.281 đồng, nợ lãi trong hạn 95.556.425 đồng, nợ lãi quá hạn 640.846.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 32.314.650 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN. 2994.020323 ngày 06/3/2023; Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/8/2023.

1.2. Kể từ ngày 21/5/2025, bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4. Trường hợp bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.CN.2994.020323 ngày 06/3/2023, Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023 thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1163 tờ bản đồ số 5 tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 để thu hồi nợ.

1.3. Sau khi nhận đủ số tiền nợ tại Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.CN.2994.020323 ngày 06/3/2023, Hợp đồng cấp tín dụng số: KHA.CN.2992.020323 ngày 06/3/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/02/2023, Ngân hàng TMCP Á có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim Nhân bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS01906 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 02/6/2021 đứng tên bà Trần Thị Hạnh D1, chỉnh lý sang tên ông Phạm Kim N1, bà Huỳnh Thị Quốc D ngày 22/02/2023 đối với thửa đất số 1163 tờ bản đồ số 5, tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á về việc xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 1163 tờ bản đồ số 5 tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa để thu hồi khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/8/2023 trong trường hợp bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay này.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị Quốc D, ông Phạm Kim N1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 52.557.000 đồng *(Năm mươi hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu số 0001291 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền 49.557.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*.

Bị đơn bà Huỳnh Kim Quốc D2 và ông Phạm Kim N1 phải chịu 112.043.716 đồng *(Một trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm mười sáu đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Kim Quốc D2 và ông Phạm Kim N1 mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001689 ngày 17/6/2025 và biên lai thu số 0001693 ngày 18/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà D2, ông N1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/9/2025)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (3);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- P. THADS khu vực 3 – Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 3 – Khánh Hòa (1);
- Phòng GĐKT, TT&THA (1);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Dịu